

Nhìn lại Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa (QLVNCH) 30 năm sau cuộc chiến
Thành Quả và Sai Lầm
Nguyễn Kỳ Phong (1)

Lần đầu tiên, hơn ba mươi năm sau khi chiến tranh Việt Nam kết thúc, một trung tâm nghiên cứu đã tổ chức hội thảo về vai trò của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa (QLVNCH) trong cuộc chiến. Nhiều trung tâm nghiên cứu và đại học ở Hoa Kỳ trong quá khứ đã tổ chức nhiều hội thảo về chiến tranh Việt Nam, nhưng chỉ về chiến tranh Việt Nam như là chủ đề chính, chứ không bàn sâu về vai trò của QLVNCH. Với đề tài [*Army Republic of Vietnam \(ARVN\): Reflections and Reassessments After 30 Years*](#) (*QLVNCH: Hồi Tưởng và Tái Thẩm Định Sau 30 năm*), The Vietnam Center (Trung Tâm nghiên cứu về Việt Nam) của đại học Texas Tech, Lubbock, Texas tổ chức hai ngày hội thảo cho chủ đề riêng biệt về vai trò của QLVNCH.



Cựu Đại sứ Nguyễn Xuân Phong

Theo những gì được biết, ý kiến tổ chức buổi hội thảo có chủ đề dành riêng cho QLVNCH đến từ ông Nguyễn Xuân Phong (2), một viên chức của trung tâm. Theo ông Phong nhận định, nói về chiến tranh Việt Nam mà không nhắc đến vai trò của QLVNCH thì tất cả những bàn luận trở thành vô nghĩa. Và trung tâm hoàn toàn đồng ý về nhận xét của ông Phong. Cuộc hội thảo là kết quả của nhận định đó.

Trong hai ngày hội thảo, có tất cả 29 diễn giả gồm 17 người Mỹ và 12 Việt. Đề tài thảo luận rất bao quát: từ cuộc hành quân Lam Sơn 719 đánh qua Hạ Lào vào tháng 2/1971, cho đến trận phản công của QLVNCH trong trận “Mùa Hè đỏ Lửa” vào năm 1972; từ trận đánh giữa tiểu đoàn 4 Thủy quân Lục chiến (TQLC) và hai trung đoàn Việt Cộng ở Bình Giả năm 1964, cho đến trận hải chiến giữa Hải Quân VNCH và Trung Cộng ở quần đảo Hoàng Sa năm 1974. Một vài đề tài hơi đi xa chủ đề (*Thiếu Thốn; Cuộc Đòi Dang Dở; Chống Mỹ: Những Phong Trào Biểu Tình của Thương Phế Binh, 1970–1971; hay là, TQLC Hoa Kỳ và Những Cố Gắng Trong Kế Hoạch Chống Du Kích và Bình Định ở Việt Nam*). Tựu trung, tất cả những bài thuyết trình đều đi sát đề tài và thu hút được sự chú ý của thính giả. Đặc sắc nhất là khi anh Nguyễn Văn Kiệt (cựu hạ sĩ quan của Liên Đoàn Người Nhái) kể lại chuyện anh và một sĩ quan lực lượng đặc biệt Hải Quân Hoa Kỳ (SEALs) đi vào lòng đất địch để cứu một Trung tá phi công bị bắn rơi ở trên bờ sông Thạch Hãn. Trước chuyến giải cứu thành công của anh Kiệt, Hoa Kỳ đã bị thiệt hại 6 phi công và 9 phi cơ để cứu người Trung tá này. Dù với khả năng Anh ngữ trung bình, anh Kiệt đã làm cho thính giả vỗ tay vang dội vì sự chân thật trong câu chuyện anh kể. Quan khách đã đứng lên vỗ tay nhiệt liệt khi anh kết thúc câu chuyện thật lý thú, đầy hồi hộp đó. Chuyện giải cứu này trước đây đã được viết ra ba quyển sách, và đã làm thành phim với tựa đề *The Rescue of Bat-21* (Cuộc Giải Cứu – phi công có bí hiệu – Bat-21).

Phía người Việt tham dự cuộc hội thảo có nhiều thành phần khác nhau: với những viên chức chánh phủ như cựu Đại sứ Bùi Diễm, ông Nguyễn Ngọc Bích; phía quân nhân có cựu Trung tướng Lữ Lan, Đại tá Mai Viết Triết (một trong những sĩ quan đầu tiên của Liên Đoàn 77 Quan Sát Địa Hình, tiền thân của Lực Lượng Đặc Biệt và Phòng 7 về sau), Thiếu tá TQLC Trần Ngọc Toàn, một sĩ quan đã tham dự trận Bình Giả năm 1964), Hải quân Đại tá Đỗ Kiểm,... và một số cựu sĩ quan khác của QLVNCH. Tương tự, phía dân sự cũng có một tập hợp của nhiều thành phần và kiến thức chuyên môn khác biệt — từ một dân sự chưa một ngày ăn cơm cháy nhà binh như tác giả bài viết này, cho đến những sinh viên ban Tiến sĩ thật trẻ, như hai cô Julie Phạm (29 tuổi, đại học Berkeley), Nguyễn T. Liên-Hằng (34 tuổi, đại học Harvard) hoặc hai thanh niên tuổi dưới ba mươi, Hoàng Tuấn (đại học Notre Dame) và Nguyễn Minh Triết (đại học Ottawa) và ông Nguyễn Văn Tín (em trai cố thiếu tướng Nguyễn Văn Hiếu) tuổi đã ngoài 60.



Chiến sĩ VNCH (Chon Thành, Việt Nam, 1972)... Đặng Thùy Trâm, bác sĩ quân đội CSVN

Phía Hoa Kỳ, phái đoàn tham dự cũng có một sắc thái tương tự — dân sự, hàn lâm, và cựu chiến sĩ. Người mở đầu cuộc hội thảo là Tiến sĩ Lewis Sorley, một cựu sĩ quan đã tham dự chiến tranh Việt Nam từ ngày đầu cuộc chiến. Sau khi trở lại Mỹ, Sorley chuyển sang làm việc cho CIA và là một nhân viên cao cấp của cơ quan tình báo này. Sorley, lúc còn sĩ quan cấp tá, là bạn cùng khóa ở trường Tham Mưu Trung Cấp Lục Quân Hoa Kỳ (Fort Leavenworth, Kansas) với Đại tá Hà Mai Việt. Ra trường võ bị West Point năm 1965, bạn cùng khóa với ông là những Đại tướng như Norman Schwarzkopf, John Foss, John Shaud, hay Trung tướng Dave Palmer, một cố vấn cho trường Võ bị Đà Lạt trong đầu thập niên 1970. Sorley còn là tác giả của *The Abrams Tapes*, một tác phẩm công phu viết về cơ cấu quân đội Hoa Kỳ ở Việt Nam. Những người khác như Trung tá James Willbanks, một sĩ quan đã tử thủ trận An Lộc chung với sư đoàn 5 Bộ Binh trong trận Mùa Hè Đỏ Lửa, và hiện nay là trưởng khoa quân sự của trường Tham Mưu Trung Cấp Lục Quân Hoa Kỳ; Đại tá Darrell Whitcomb, một trong những phi công bay yểm trợ và chỉ điểm cho cuộc giải cứu Bat-21; một sĩ quan cố vấn khác, ông Bill Laurie, đã làm cho thính giả Việt Nam thích thú khi anh ta tuyên bố — bằng tiếng Việt, giọng miền Nam — là anh ta đã ngồi nhậu với lính VNCH ở rất nhiều quán cóc trên bốn vùng chiến thuật! Ngoài ra, phía dân sự có nhiều người trong giới hàn lâm tham dự: một giáo sư chưa đầy 34 tuổi, tốt nghiệp Tiến sĩ từ đại học Harvard và Cambridge (London). Anh ta lên viết về cơ cấu của Kế Hoạch Phụng Hoàng. Hiện nay anh là giáo sư thực thụ của trường tham mưu trung cấp TQLC Hoa Kỳ. Một Tiến sĩ khác, Andrew Wiest, cũng trong khoảng tuổi hơn ba mươi, thuyết trình về hai khuôn mặt trái ngược của hai quân nhân VNCH trong cuộc chiến. Một người hùng là Trung tá Trần Ngọc Huệ, Tiểu đoàn Trưởng Tiểu đoàn 2/Trung đoàn 2/Sư đoàn 1 Bộ Binh, người đã dẫn tiểu đoàn nhảy trực thăng vào chiếm Tchepone ở Hạ Lào năm 1971, rồi từ đó phải đánh bằng đường bộ để triệt thoái ngược về biên giới Việt Nam với tiểu đoàn chỉ còn lại 26 người. Người sĩ quan kia, Trung tá Phạm Văn Đình, người đã đem nguyên Trung đoàn 56 (Sư đoàn 3 Bộ Binh) đầu hàng cộng sản Bắc Việt vào trận Mùa Hè Đỏ Lửa năm 1972, khi Trung đoàn 56 bị ba Sư đoàn CSNV bao vây, rồi sau đó lên đài phát thanh của cộng sản kêu gọi những quân nhân ở những trung đoàn còn lại đầu hàng.

Andrew Wiest hiện nay là Trưởng một Trung tâm Nghiên cứu về Chiến tranh Việt Nam ở đại học Mississippi. Chúng ta cũng thể không nhắc đến ông giám đốc Trung Tâm Việt Nam của đại học Texas Tech, người đã đứng ra tổ chức cuộc hội thảo: Tiến sĩ James R. Reckner là cựu sĩ quan cố vấn cho một giang đoàn xung phong của Hải Quân Việt Nam (Giang Đoàn 26 Xung Phong) hoạt động dọc theo Kinh Vĩnh Tế. Rất lý thú khi ngồi nghe ông kể lại cuộc đời chinh chiến của ông trên những kinh rạch, sông ngòi, ở miền Nam, hay xa hơn về phía biên giới Miền như Tân Châu, Hồng Ngự ở Châu Đốc.



GS Douglas Eugene Pike (27/7/1924–13/5/2002)

Ảnh: Vietnam Center
Texas Tech University
Lubbock, Texas, USA

Trong chuyến đi tham dự hội thảo, tham dự viên được mời tận vào phòng sách tham khảo và nghiên cứu của trung tâm. Và phải thành thật mà nói, đây là một kho tàng cho những người nghiên cứu về Việt Nam —không nhất thiết chỉ về quân sự hay quân sự, mà tất cả mọi phương diện về Việt Nam như một quốc gia. Nguồn gốc trung tâm bắt đầu vào năm 1989, khi đại tướng Westmoreland (tư lệnh MACV, rồi sau đó tư lệnh Lục Quân), Đô đốc Elmo Zumwalt (Tư lệnh Hải Quân ở Việt Nam, rồi Tư lệnh Hải Quân Hoa Kỳ), Thứ trưởng William Bundy, Đại sứ Bùi Diễm, cùng Tiến sĩ Reckner ngồi xuống quyết định xây dựng một trung tâm trữ trữ thư liệu về Việt Nam. Hơn hai năm sau, trung tâm được sự cộng tác quan trọng của tác giả Douglas Pike (3), khi ông này dọn nguyên thư viện cá nhân của ông từ viện đại học Berkeley ở California về. Ông Pike là một học giả về Việt Nam và chiến tranh Việt Nam, thư viện riêng của ông gồm có hơn bảy triệu trang tài liệu; 15 ngàn quyển sách; và ba ngàn phim ảnh đủ loại. Phải nói đây là một *thư viện nghiên cứu* thứ thiệt! Từ những bộ sách như Công Báo Việt Nam (do Việt Tân Xã in, tiếng nói chánh thức của chính phủ VNCH) đến những bộ sách về liên hệ Việt–Pháp của thập niên 1800, cho đến những báo cáo tối mật đã được giải mật của CIA, bộ Ngoại Giao, cho đến những tường trình về quân sự, hồ sơ về trường sĩ quan trừ bị Thủ Đức,... tất cả thật chi tiết, tất cả

có thể cho người đọc một quá khứ thật rõ ràng về VNCH nói riêng và về Việt Nam nói chung. Người viết bài này có dịp cầm trên tay một tài liệu nói về những khóa đầu tiên của trường sĩ quan Thủ Đức. Trong đó nhiều chi tiết thật lý thú. Thí dụ, nhìn vào Khóa 1 Nam Định, chúng ta thấy tên người sĩ quan thủ khoa là Thiếu tướng Nguyễn Duy Hình; khóa có 255 khóa sinh, nhưng chỉ có 218 người ra trường với cấp bậc Thiếu úy, số còn lại là Chuẩn úy vì điểm đậu dưới tiêu chuẩn. Ngoài những chi tiết đó, chúng ta còn biết các sĩ quan có tên ra trường hạng thứ mấy trong khóa đó. Chẳng hạn như Chuẩn tướng không quân Đặng Đình Linh đậu hạng 208 (trên 218 sinh viên); Đại tá cựu Thẩm quán quân sự Nguyễn Cao Quyền hạng 19; Trung tướng TQLC Lê Nguyên Khang hạng 75; Phan Phụng Tiên hạng 31... Trong khi đó, Khóa 1 Thủ Đức có tất cả 311 sinh viên thụ huấn, 278 tốt nghiệp Thiếu úy; 24 tốt nghiệp chuẩn úy; và 9 ra trường với cấp bậc Trung sĩ vì điểm quá thấp. Nhìn sơ qua, thấy Thủ khoa là cựu Đại tá Cảnh sát Phạm Kim

Quy, Trung tướng Nguyễn Đức Thắng ra trường hạng 5 và chọn binh chủng Pháo Binh, tướng Đồng Văn Khuê là Á khoa của khóa 1 Thủ Đức. Và những khóa khác lại cho nhiều lý thú hơn: khóa 3 có Đại tá Hoàng Đức Ninh (anh của ông Hoàng Đức Nhã) ra trường hạng 208 trên 712 sinh viên; Tướng Nguyễn Khoa Nam hạng 83; tác giả viết sử Phạm Kim Vinh hạng 256. Ở Khóa 5 thì có tác giả Đại tá Phạm Bá Hoa, hạng 648 trên 879; đại tá TQLC Cổ Tấn Tinh Châu, hạng 381; và Đại tá Hà Mai Việt, hạng 86. ... Đại khái, tài liệu ghi lại những chi tiết như vậy. Người viết bài - một người tự thú nhận là mê sách - thật là hăm hở, thật là thích thú với hàng trăm kệ sách đầy tài liệu trước mặt mình. Sự thích thú của của người viết đã làm cho ông Reckner nói đùa với hai phụ tá là Tiến sĩ Steve Maxner và anh Trần Công Khanh là, “Nên chú ý tên này, nó lục loại nhiều quá. Xét người nó trước khi ra về. Nó có thể ‘chôm’ những tài liệu quý giá của chúng ta!”. Thật Một một cuộc thăm viếng không uổng công.

Trung tâm Việt Nam của đại học Texas Tech, trong quá khứ đã bị nhiều phản đối, chỉ trích và phê bình có khuynh hướng thân cộng. Nhất là sau khi họ cho xuất bản quyển [Hồi ký của bác sĩ công sản Đặng Thùy Trâm](#). Dĩ nhiên chúng ta thấy tác phẩm đó có một cái nhìn cá nhân rất lệch lạc, đầy truyền truyền của một bác sĩ đã bị nhồi sọ từ lúc thiếu thời. Cũng như trung tâm đã thường liên lạc và hướng dẫn những phái đoàn viên chức cao cấp của cộng sản Việt Nam qua thăm viếng, như Nguyễn Mạnh Cầm, Trần Bạch Đằng, tướng Nguyễn Đình Ước, Phan Huy Lê, Lê Văn Bằng. Nhưng theo giám đốc Reckner, trung tâm của ông đã bị mọi bên chỉ trích: phía phản chiến, thiên tả, thì nói ông quá thân thiện với các quân nhân VNCH, thiên vị cho phía miền Nam; trong khi một vài chiến sĩ VNCH và Hoa Kỳ thì đặt vấn đề tại sao trung tâm lại thân thiện với nhiều viên chức cộng sản! Câu trả lời của trung tâm - cũng như của chính Tiến sĩ Reckner - trung tâm chỉ là một nơi dự trữ những di tích, thư liệu, tang chứng về Việt Nam, về VNCH và CSVN. Trung tâm chỉ là một trung gian chứ không phải là nơi thẩm định những tác động hay hậu quả chính trị, hậu quả cuộc chiến đã xảy ra; trung tâm không phê phán mà chỉ trưng bày những sự kiện. Rồi từ những sự kiện và thư liệu đó, các nhà nghiên cứu, học giả, độc giả, tự mình đi đến những kết luận riêng cho chính họ. Với một nhận xét như vậy, người viết bài này không có gì để phản đối.

1. Tác giả Nguyễn Kỳ Phong, sanh năm 1956, tị nạn cộng sản ở Mỹ từ năm 1975, là dịch giả hai quyển *Hành Quân Lam Sơn 719* (nguyên tác Anh Ngữ, *Operation Lamson 719*, của thiếu tướng Nguyễn Duy Hinh), và *Những Ngày Cuối của Việt Nam Cộng Hòa* (nguyên tác, *The Final Collapse*, của Đại tướng Cao Văn Viên). Đã xuất bản một tác phẩm nghiên cứu về quân sự, *Người Mỹ và Chiến Tranh Việt Nam*. Một tác phẩm mới với tựa là *Vùng Lầy của Tòa Bạch Ốc*, sẽ ra mắt vào tháng 4 năm 2006.

2. Cựu Đại sứ Nguyễn Xuân Phong là thành viên của nội các VNCH trong những năm 1965–75, và từng là Tổng trưởng Lao động và là Phó trưởng phái đoàn và quyền Trưởng phái đoàn VNCH tại hoà đàm Paris. Ông trở lại Việt Nam 5 ngày trước khi Sài Gòn rơi vào tay Hà Nội vào tháng 4/1975. Tại Paris ông là Quốc vụ khanh đặc trách đàm phán và là Trưởng phái đoàn VNCH tại Hội nghị La Celle Saint Cloud. Sau tháng 4/1975, ông bị đưa đi tù cải tạo 5 năm ở miền Bắc. Cựu Đại sứ Phong sang Mỹ theo lời mời vào năm 2000. Từ 2002 và sau đó ông tham dự hội nghị về Việt Nam trong Dự án Việt Nam tại Đại học Texas Tech ([Saving Vietnam, Kippura D.](#)

[Hopper](#)). Hiện nay Cựu Đại sứ Nguyễn Xuân Phong là nhà nghiên cứu tại Đại học Texas Tech. Ông là tác giả *Hope and Vanquished Reality*, Xlibris, 2002

3. Giáo sư Douglas Eugene Pike (27/7/1924–13/5/2002) là học giả nổi tiếng đã viết rất nhiều về chủ thuyết, chiến lược và chiến thuật của cộng sản tại Việt Nam. Sau một thời gian là Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Việt Nam tại Đại học California tại Berkeley (1982–1996), ông đến Trung Tâm Việt Nam (Vietnam Center) Đại học Texas Tech vào năm 1997 với vai trò Phó Giám đốc Nghiên cứu. Tháng 11, 2001 giáo sư Pike bị tai biến mạch não, ngưng làm việc và qua đời ngày 13/5/2002. Giáo sư Pike là tác giả 6 quyển sách, biên tập cho 24 quyển sách khác, viết và trình bày rất nhiều tài liệu tại các hội nghị về Đông Dương và Đông Nam châu Á. Giáo sư Pike đem đến cho Trung Tâm Việt Nam hàng triệu trang tin tức trên báo, tài liệu, ngay cả truyền đơn của CSVN và những tư liệu khác về chiến tranh Việt Nam. Theo New York Times, năm 1970 giáo sư Pike ấn hành một chuyên khảo xác minh quân đội nhân dân Việt nam đã thảm sát dân chúng tại Huế thế nào trong trận Tết Mậu Thân. Chuyên khảo này của giáo sư Pike đã khiến giới phản chiến phản đối và tấn công ông dữ dội. Douglas Pike không phải là người hoan hô miền Nam Việt Nam như nhiều người tưởng, New York Times viết, ông nghiêm khắc phê bình sự yếu kém của VNCH trong tổ chức so với kẻ địch CS miền Bắc trong thời chiến.